

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**V/v Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo  
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH  
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc Hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế chi hội nghị;*

*Căn cứ Văn bản số 755/VPQH-KHTC, ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Văn phòng Quốc hội về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 và ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 16561/BTC-HCSN ngày 27 tháng 11 năm 2012 về việc áp dụng Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH để xây dựng chế độ chi tiêu phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Xét Tờ trình số 15/TTr-TTHĐND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành: “Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh”; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu.*

## QUYẾT NGHỊ:

Ban hành “Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh” như sau:

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Bao gồm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức cấp xã trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân cùng cấp.

#### **Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Việc thanh quyết toán kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được giao, đảm bảo thống nhất chế độ, định mức, đối tượng chi trên cơ sở Quy định này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc chi phục vụ đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo,... của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và cá nhân các cơ quan khác tham gia đoàn công tác; đoàn giám sát, khảo sát; các hội nghị, hội thảo,... của Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân cấp triệu tập đảm bảo.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, căn cứ dự toán được giao hàng năm và tình hình hoạt động thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình để quyết định mức chi cho phù hợp, nhưng không vượt quá mức chi tiêu của quy định này. Đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Các chế độ chi trong Quy định này là một trong những căn cứ để xây dựng dự toán chi ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân các cấp.

5. Nguồn kinh phí: Các khoản chi tại Quy định này được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Hội đồng nhân dân các cấp.

### Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### **Điều 3. Công tác phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân, Thư ký kỳ họp nghiên cứu tài liệu kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 500.000 đồng/người/kỳ họp; cấp huyện tối đa 300.000 đồng/người/kỳ họp; cấp xã tối đa 200.000 đồng/người/kỳ họp. *NS*

2. Chi phục vụ tại kỳ họp theo danh sách phân công nhiệm vụ: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tối đa 400.000 đồng/người/kỳ họp; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tối đa 250.000 đồng/người/kỳ họp; cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tối đa 150.000 đồng/người/kỳ họp.

3. Chuẩn bị tài liệu, soạn thảo các báo cáo, thông báo, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân; xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp; xây dựng kịch bản điều hành của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân (chuẩn bị tài liệu, dự thảo, chỉnh sửa, ký duyệt): Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo, thông báo, đề án, tờ trình, chương trình, kịch bản; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo, thông báo, đề án, tờ trình, chương trình, kịch bản; cấp xã tối đa 500.000 đồng/báo cáo, thông báo, đề án, tờ trình, chương trình, kịch bản. Nếu là văn bản sửa đổi, bổ sung thì được chi bằng 70% của mức trên.

4. Xây dựng báo cáo 6 tháng, báo cáo năm, báo cáo chuyên đề; báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trình kỳ họp: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo.

5. Tổng hợp ý kiến phát biểu của các Tổ thảo luận trình kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo.

6. Công tác hoàn thiện nghị quyết khi được Hội đồng nhân dân thông qua, ký ban hành nghị quyết: Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/ng nghị quyết; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/ng nghị quyết; cấp xã tối đa 500.000 đồng/ng nghị quyết.

7. Tiệc ăn đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 300.000 đồng/người/ngày; cấp huyện tối đa 250.000 đồng/người/ngày; cấp xã tối đa 200.000 đồng/người/ngày. Nếu là hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ, tổng kết nhiệm kỳ; mức chi bằng 1,5 lần mức chi trên.

8. Nước uống tại kỳ họp, hội nghị, hội thảo và các hội nghị khác của Hội đồng nhân dân; thực hiện theo quy định chung của tỉnh.

#### **Điều 4. Hoạt động thẩm tra báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết**

1. Chi họp thẩm tra:

a. Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Thành phần dự họp theo giấy mời: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 80.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c. Đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

2. Xây dựng và ban hành Báo cáo kết quả thẩm tra: Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.200.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 800.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 5. Hoạt động tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri (trang trí, thuê địa điểm, loa đài, nước uống, bảo vệ, ...): Cấp tỉnh tối đa: 3.000.000 đồng/điểm; cấp huyện tối đa: 2.000.000 đồng/điểm; cấp xã tối đa: 1.000.000 đồng/điểm.

2. Chi đại biểu Hội đồng nhân dân; đại diện chính quyền, tổ chức, đoàn thể được cử hoặc phân công dự hội nghị tiếp xúc cử tri: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/điểm; cấp huyện 70.000 đồng/người/điểm; cấp xã 50.000 đồng/người/điểm.

3. Chi đối tượng phục vụ tiếp xúc cử tri: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/điểm; cấp huyện 50.000 đồng/người/điểm; cấp xã 30.000 đồng/người/điểm.

4. Chi đại biểu Hội đồng nhân dân xây dựng và ban hành Báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri bằng văn bản cho 01 đợt tiếp xúc cử tri, có xác nhận của Tổ trưởng (hoặc Tổ phó) tổ đại biểu thuộc đơn vị ứng cử: Cấp tỉnh tối đa: 500.000 đồng/đại biểu; cấp huyện tối đa: 300.000 đồng/đại biểu; cấp xã tối đa: 200.000 đồng/đại biểu.

5. Tập hợp, xây dựng và ban hành báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân gửi Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp: Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo/đợt; cấp huyện tối đa 1.200.000 đồng/báo cáo/đợt; cấp xã tối đa 800.000 đồng/báo cáo/đợt.

6. Xây dựng, ban hành báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân về tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 6. Hoạt động giám sát, khảo sát**

Ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, đoàn giám sát, khảo sát được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được chi như sau:

1. Công tác chuẩn bị (chuẩn bị tài liệu; soạn thảo quyết định thành lập đoàn; xây dựng nội dung, kế hoạch giám sát, khảo sát): Cấp tỉnh tối đa 1.200.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát; cấp xã tối đa 800.000 đồng/đợt giám sát, khảo sát.

2. Chi giám sát, khảo sát:

a. Trưởng đoàn giám sát, khảo sát: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Thành viên, chuyên viên giúp việc đoàn giám sát, khảo sát và đại biểu mời tham gia đoàn giám sát, khảo sát: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi. *ph*

c. Đối tượng phục vụ đoàn giám sát, khảo sát: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

3. Tổng hợp, xây dựng và ban hành Báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.200.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 800.000 đồng/báo cáo.

4. Chuẩn bị chương trình giám sát năm của Hội đồng nhân dân; báo cáo kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân (chuẩn bị tài liệu, số liệu, dự thảo, chỉnh sửa, ký duyệt): Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 7. Hoạt động chất vấn, giải trình**

1. Công tác chuẩn bị: Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân (kế hoạch, văn bản điều phối, kịch bản chi tiết,...): Cấp tỉnh tối đa 1.200.000 đồng/cuộc; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/cuộc; cấp xã tối đa 800.000 đồng/cuộc.

2. Chi phục vụ hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, cụ thể như sau:

a. Người chủ trì: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Thành phần dự theo giấy mời: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c. Đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi xây dựng và ban hành Báo cáo tổng hợp kết quả chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân; Báo cáo tổng hợp kết quả giải trình tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.200.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 800.000 đồng/báo cáo.

### **Điều 8. Tổ chức tập huấn, hội thảo, hội nghị**

Các cuộc hội thảo chuyên đề; tập huấn; tham vấn; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào chính sách do Hội đồng nhân dân ban hành; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, các văn bản khác của cơ quan Trung ương; hội nghị giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân được áp dụng như sau:

1. Công tác chuẩn bị: Chi cho việc xây dựng các văn bản phục vụ tổ chức tập huấn, hội thảo, hội nghị (kế hoạch, văn bản điều phối, kịch bản chi tiết,...): Cấp tỉnh tối đa 1.200.000 đồng/cuộc; cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/cuộc; cấp xã tối đa 800.000 đồng/cuộc. *π*

## 2. Chi hợp:

a. Người chủ trì: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã 100.000 đồng/người/buổi.

b. Thành phần dự họp theo giấy mời: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

c. Đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp không chi cho người chủ trì; thành phần tham dự; đối tượng phục vụ... mà tổ chức ăn tập trung, mức chi áp dụng như chế độ ăn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Xây dựng bài thuyết trình, bài giảng, báo cáo chuyên đề, ý kiến tham luận bằng văn bản tại hội thảo chuyên đề; tập huấn; tham vấn; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào chính sách do Hội đồng nhân dân ban hành; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, các văn bản khác của cơ quan Trung ương; hội nghị giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân (có xác nhận của cơ quan chủ trì): Cấp tỉnh tối đa 800.000 đồng/văn bản; cấp huyện tối đa 500.000 đồng/văn bản; cấp xã tối đa 300.000 đồng/văn bản.

3. Xây dựng và ban hành Báo cáo kết quả (hoặc kết luận) hội thảo chuyên đề; tập huấn; tham vấn; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào chính sách do Hội đồng nhân dân ban hành; hội nghị lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, các văn bản khác của cơ quan Trung ương; hội nghị giao ban của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/báo cáo; cấp huyện tối đa 1.200.000 đồng/báo cáo; cấp xã tối đa 800.000 đồng/báo cáo.

## **Điều 9. Tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo**


Chi theo quy định hiện hành, Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 10. Chế độ của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được hỗ trợ kinh phí hoạt động: Cấp tỉnh 3.000.000 đồng/người/năm; cấp huyện 2.000.000 đồng/người/năm; cấp xã 1.000.000 đồng/người/năm.

2. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí phục vụ cho các hoạt động của Tổ hàng quý. Mức chi: Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh 1.000.000 đồng/đại biểu/quý; Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện 500.000 đồng/đại biểu/quý.

3. Chi hỗ trợ các chức danh Hội đồng nhân dân hoạt động kiêm nhiệm:

a. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Trưởng ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: Thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác theo quy định của chế độ tiền lương hiện hành. 

b. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm: Thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm chức danh theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức cấp xã.

c. Các chức danh khác: Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, mức chi 200.000 đồng/người/tháng.

### **Điều 11. Chi trang cấp thiết bị phục vụ**

a. Ngoài tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; công chức trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân tỉnh và các đối tượng khác thuộc thành phần thường xuyên dự kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh (sau khi có ý kiến bằng văn bản của Thường trực Tỉnh uỷ, hoặc Ban Thường vụ Tỉnh uỷ) được cấp máy tính bảng để nhận và đọc tài liệu. Định mức 01 máy/người/nhiệm kỳ.

b. Ngoài tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách; lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; công chức trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân tỉnh được trang bị máy tính xách tay để làm việc. Định mức 01 máy/người/nhiệm kỳ.

c. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; lãnh đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; công chức trực tiếp giúp việc Hội đồng nhân dân tỉnh được hỗ trợ kinh phí khai thác thông tin điện tử, nhận và đọc tài liệu điện tử. Mức chi tối đa 300.000đ/người/tháng.

d. Căn cứ yêu cầu công việc, điều kiện và khả năng ngân sách địa phương, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định trang cấp thiết bị cho đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành phần khác cùng cấp.

### **Điều 12. Chi cho công tác xã hội**

1. Chi thăm hỏi ốm đau (không quá 2 lần/năm): Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tối đa 1.000.000 đồng/lần. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tối đa 800.000 đồng/lần. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tối đa 500.000 đồng/lần.

2. Trợ cấp khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh đặc biệt,... được chi trợ cấp (không quá 2 lần/năm): Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/người. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tối đa 1.500.000 đồng/người. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tối đa 1.000.000 đồng/người.

3. Tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tối đa 1.500.000 đồng/người. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức và người lao

động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/người. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tối đa 800.000 đồng/người.

4. Chi thăm viếng: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân từ trần hoặc có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con từ trần được Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp cử đại diện đến thăm viếng, có vòng hoa kèm theo số tiền: Cấp tỉnh tối đa 2.000.000 đồng; cấp huyện tối đa 1.500.000 đồng; cấp xã tối đa 1.000.000 đồng.

### **Điều 13. Một số chế độ chi khác**

1. Trang bị cho đại biểu Hội đồng nhân dân đầu nhiệm kỳ (huy hiệu, cặp công tác, sổ, bút,...) để phục vụ hoạt động của đại biểu: Cấp tỉnh trị giá tối đa 2.000.000 đồng/người; cấp huyện trị giá tối đa 1.000.000 đồng/người; cấp xã trị giá tối đa 500.000 đồng/người.

2. Chế độ trang phục đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp: Trong nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền mặt để may 02 bộ trang phục, lễ phục: Cấp tỉnh tối đa 5.000.000 đồng/người/bộ; cấp huyện tối đa 4.000.000 đồng/người/bộ; cấp xã tối đa 3.000.000 đồng/người/bộ (nếu đại biểu tham gia nhiều cấp Hội đồng nhân dân thì được hưởng một mức cao nhất).

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được cấp tiền mặt để may 02 bộ trang phục, lễ phục trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh tối đa 4.000.000 đồng/người/bộ; cấp huyện tối đa 3.500.000 đồng/người/bộ; cấp xã tối đa 3.000.000 đồng/người/bộ.

3. Chi nghỉ dưỡng hè hàng năm: Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tối đa 2.000.000 đồng/người/năm. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tối đa 1.000.000 đồng/người/năm. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân tối đa 800.000 đồng/người/năm.

4. Tặng quà lưu niệm kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân: Kết thúc nhiệm kỳ, mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm: Cấp tỉnh trị giá tối đa 2.000.000 đồng/người; cấp huyện trị giá tối đa 1.500.000 đồng/người; cấp xã trị giá tối đa 1.000.000 đồng/người. *nc*



Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh trị giá tối đa 1.500.000 đồng/người; cấp huyện trị giá tối đa 1.200.000 đồng/người; cấp xã trị giá tối đa 1.000.000 đồng/người.

5. Chế độ sử dụng điện thoại: Thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Chế độ tiếp khách: Thực hiện theo quy định của tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo, đề án, tờ trình của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền; mức chi tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo, đề án, tờ trình.

8. Chi cho việc trao đổi công tác và học tập kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân theo quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp; kinh phí do cấp quyết định đảm bảo; mức chi như chế độ đi công tác theo quy định của nhà nước.

9. Ngoài quy định trên, căn cứ vào yêu cầu công tác, điều kiện và nguồn kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân được cấp hàng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp có thể xem xét, quyết định một số khoản chi khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình.

### Chương III

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ chế độ, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước và Quy định về chế độ chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại quy định này, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện để đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp kịp thời, thiết thực, hiệu quả.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có nội dung cần xem xét, sửa đổi, bổ sung, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. *nl*

2. Các quy định về chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước giao hàng năm. Đối tượng được hưởng thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND18 ngày 08 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết số 186/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND18 ngày 08 tháng 12 năm 2016 về ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bắc Ninh. /

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng CT.HĐND, lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Chung**